

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nguyên**.

Ông **Hoàng Sĩ Quang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Thôn B, xã Th, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C1, xã Th1, huyện L1, thành phố Hải Phòng.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã L2, thành phố L, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn M, xã L2, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/9/2013. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì anh D đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2015 chị cũng sang Đài Loan làm ăn cùng anh. Thời gian vợ chồng sống tại Đài Loan nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống khó khăn, công việc không ổn định, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, anh D đánh đập, xúc phạm chị khiến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi. Hơn nữa anh D còn có những biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Anh chị đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2018 chị về nước, còn anh D vẫn ở lại Đài Loan làm ăn, vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hải Đ, sinh ngày 10/02/2014, hiện con đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn chị có quan điểm, nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên con Phạm Hải Đ có nguyện vọng được ở với anh D và ông bà nội, anh D cũng có nguyện vọng được nuôi con nên chị nhất trí giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để bố đẻ anh D là ông Phạm Văn C thay anh chăm sóc con Phạm Hải Đ cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Ông Phạm Văn C (bố đẻ anh D) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết, anh D có quan điểm xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhất trí việc chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho ông thay anh chăm sóc con Phạm Hải Đ cho đến khi anh về nước. Anh D xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn C nhất trí thay anh D chăm sóc cháu Phạm Hải Đ cho đến khi anh D về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng.

Con chung của chị H và anh D là cháu Phạm Hải Đ có nguyện vọng được ở với anh D và ông bà nội.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh D đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Đài Loan làm ăn, hiện tại anh D chưa về nước, chị H đã về nước nhưng không sống tại gia đình nhà chồng, vợ chồng mỗi người ở một nơi, tình cảm không được vun đắp, chia sẻ. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Phạm Văn D. Về con chung: Giao con chung Phạm Hải Đ cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Tạm giao cháu Phạm Hải Đ cho ông Phạm Văn C chăm sóc trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn D có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn M, xã L2, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện anh D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Cương là bố đẻ anh D để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh D đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Cương vẫn liên lạc với anh D và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh D. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh D cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L2, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Hải Dương ngày 13/9/2013 là hôn nhân hợp pháp. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì cùng sang lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống khó khăn, công việc không ổn định nên vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi nhau, nghi ngờ và thiếu tin tưởng lẫn nhau, anh chị đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không thành. Năm 2018 chị H về nước còn anh D vẫn làm ăn tại Đài Loan. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Thông qua gia đình anh D cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu nên không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Hải Đ, sinh ngày 10/02/2014, hiện con đang ở với chị H. Chị H và anh D thống nhất giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Phạm Hải Đ có nguyện vọng được ở với anh D. Anh D ủy quyền cho ông Phạm Văn C chăm sóc con chung Phạm Hải Đ cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Phạm Hải Đ cho ông Cương nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Phạm Văn D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Hải Đ, sinh ngày 10/02/2014 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con Phạm Hải Đ cho ông Phạm Văn C nuôi dưỡng trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001094 ngày 29/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị H phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H và ông Phạm Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nguyên Hoàng Sĩ Quang

Nguyễn Xuân Trường